

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ ĐÀ LẠT

GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG
NGHỀ: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*Ban hành kèm theo Quyết định số:...../QĐ-CDNDL ngày...tháng...năm.....
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Đà Lạt*

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Đà Lạt, năm 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Vài nét về xuất xứ giáo trình:

Giáo trình này được viết theo Kế hoạch số 1241/KH-CDNDL ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Trường Cao đẳng nghề Đà Lạt về việc triển khai xây dựng chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp để làm tài liệu dạy nghề trình độ trung cấp.

Quá trình biên soạn:

Trên cơ sở tham khảo các giáo trình, tài liệu về môn học Nghiệp vụ ngân hàng, kết hợp với thực tế nghề nghiệp của nghề Kế toán Doanh nghiệp, giáo trình này được biên soạn có sự tham gia tích cực của các giáo viên có kinh nghiệm, cùng với những ý kiến đóng góp quý báu của các chuyên gia về lĩnh vực Nghiệp vụ ngân hàng.

Mối quan hệ của tài liệu với chương trình, môn học:

Căn cứ vào chương trình đào tạo nghề Kế toán Doanh nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Nghiệp vụ ngân hàng, nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ ngân hàng cơ bản giúp hỗ trợ sinh viên đảm nhiệm một số vị trí việc làm trong các tổ chức tín dụng (*Quỹ tín dụng, ngân hàng thương mại*) như giao dịch viên, nhân viên tín dụng...ngoài ra, hỗ trợ sinh viên nắm bắt được các hình thức thanh toán để áp dụng trong hoạt động của doanh nghiệp.

Cấu trúc chung của giáo trình nghiệp vụ ngân hàng bao gồm 7 chương:

Chương 1: Tổng quan về tổ chức tín dụng

Chương 2: Hoạt động của ngân hàng thương mại

Chương 3: Hoạt động nhận tiền gửi tiết kiệm của ngân hàng thương mại

Chương 4: Hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng thương mại

Chương 5: Hoạt động mở tài khoản thanh toán cho khách hàng của ngân hàng thương mại

Chương 6: Hoạt động cung ứng các phương tiện thanh toán và các dịch vụ thanh toán sau của ngân hàng thương mại

Chương 7: Chế độ báo cáo thống kê của ngân hàng thương mại

Sau mỗi chương đều có các câu hỏi ôn tập, thảo luận hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức cho người học.

Giáo trình được biên soạn trên cơ sở các văn bản quy định của Nhà nước và tham khảo nhiều tài liệu liên quan có giá trị. Song chắc hẳn quá trình biên soạn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Ban biên soạn mong muốn và thực sự

cảm ơn những ý kiến nhận xét, đánh giá của các chuyên gia, các thầy cô đóng góp cho việc chỉnh sửa để giáo trình ngày một hoàn thiện hơn.

Đà Lạt, ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên Nguyễn Thị Ngọc Hà

Tailieu.vn

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

CHƯƠNG 1 - TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG	1
1. Khái niệm, phân loại.....	1
1.1. Khái niệm.....	1
1.2. Phân loại hình thức tổ chức	1
1.3. Một số khái niệm khác.....	3
2. Quyền và trách nhiệm của tổ chức tín dụng	6
2.1. Quyền của tổ chức tín dụng	6
2.2. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng.....	6
3. Hoạt động của tổ chức tín dụng	8
3.1. Phạm vi hoạt động được phép của tổ chức tín dụng.....	8
3.2. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng	8
3.3. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu của tổ chức tín dụng	8
3.4. Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng	9
3.5. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay	9
3.6. Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất	10
3.7. Lưu giữ hồ sơ tín dụng	10
3.8. Hoạt động ngân hàng điện tử.....	10
4. Các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng.....	10
4.1. Những trường hợp không được cấp tín dụng	10
4.2. Hạn chế cấp tín dụng	11
4.3. Giới hạn cấp tín dụng, góp vốn, mua cổ phần	12
4.4. Tỷ lệ bảo đảm an toàn; Dự phòng rủi ro	13
4.5. Kinh doanh bất động sản	14
4.6. Yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng điện tử	15
4.7. Quyền, nghĩa vụ của công ty kiểm soát.....	15
4.8. Góp vốn, mua cổ phần giữa các công ty con, công ty liên kết, công ty kiểm soát	15
5. Quản lý nhà nước đối với hoạt động tín dụng	16
5.1. Cơ quan quản lý nhà nước	16
5.2. Thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát	16

5.3. Quyền, nghĩa vụ của đối tượng thanh tra, giám sát.....	16
6. Câu hỏi ôn tập	16
CHƯƠNG 2 - HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	17
1. Phạm vi hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại	17
2. Vay vốn.....	17
2.1. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước	17
2.2. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính.....	17
3. Mở tài khoản.....	18
4. Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán	18
5. Góp vốn, mua cổ phần.....	18
6. Tham gia thị trường tiền tệ.....	19
7. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh	19
8. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý.....	19
9. Các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại	19
10. Câu hỏi ôn tập	20
CHƯƠNG 3 - HOẠT ĐỘNG NHẬN TIỀN GỬI TIẾT KIỆM CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	21
1. Khái niệm.....	21
2. Thẻ tiết kiệm	22
3. Hình thức tiền gửi tiết kiệm.....	22
4. Lãi suất và phương thức trả lãi	22
5. Chi trả gốc và lãi tiền gửi tiết kiệm; Rút tiền gửi tiết kiệm	23
6. Rút gốc và lãi tiền gửi tiết kiệm.....	23
7. Rút tiền gửi tiết kiệm trước hạn.....	23
8. Rút tiền gửi tiết kiệm theo thừa kế	24
9. Rút tiền gửi tiết kiệm theo giấy ủy quyền.....	24
10. Kéo dài kỳ hạn gửi tiền	24
11. Chuyển quyền sở hữu.....	24
12. Sử dụng thẻ tiết kiệm làm tài sản bảo đảm tiền vay	24
13. Địa điểm giao dịch tiền gửi tiết kiệm và chi trả tiền gửi tiết kiệm	25
14. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng	25
14.1. Quyền của người gửi tiền.....	25
14.2. Trách nhiệm của người gửi tiền.....	25

15. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng	26
15.1. Quyền của tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm.....	26
15.2. Trách nhiệm của tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm.....	26
16. Một số nội dung mới đang dự thảo sửa đổi bổ sung quy định về hoạt động nhận tiền gửi tiết kiệm.....	26
16.1. Về phạm vi điều chỉnh.....	26
16.2. Về đối tượng nhận tiền gửi tiết kiệm.....	27
16.3. Về đối tượng nhận tiền gửi tiết kiệm.....	27
16.4. Về thẻ tiết kiệm	27
16.5. Về rút tiền gửi trước hạn.....	27
16.6. Về địa điểm giao dịch tiền gửi tiết kiệm	27
16.7. Về quy định giao dịch liên quan đến tiền gửi tiết kiệm	27
16.8. Về thủ tục gửi tiền gửi tiết kiệm	28
16.9. Về chi trả gốc và lãi tiền gửi tiết kiệm	28
16.10. Về quy định về quyền và nghĩa vụ của khách hàng, TCTD.....	28
17. Câu hỏi ôn tập	28
CHƯƠNG 4 - HOẠT ĐỘNG CẤP TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	29
1. Khái niệm và tầm quan trọng của hoạt động cấp tín dụng.....	29
1.1. Khái niệm.....	29
1.2. Tầm quan trọng của hoạt động cấp tín dụng	29
2. Hình thức cấp tín dụng	30
3. Nghiệp vụ cho vay.....	30
3.1. Cho vay	30
3.2. Nguyên tắc cho vay, vay vốn.....	32
3.3. Điều kiện vay vốn.....	32
3.4. Những nhu cầu vốn không được cho vay.....	32
3.5. Phân loại hình thức cho vay.....	33
3.6. Quy định về cho vay.....	33
3.7. Hoạt động cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh.....	38
3.8. Hoạt động cho vay phục vụ nhu cầu đời sống.....	40
4. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác ...	40
4.1. Điều kiện, nguyên tắc	40

4.2. Loại công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác được chiết khấu	42
4.3. Phương thức chiết khấu, giá, thời hạn, lãi suất chiết khấu và các chi phí liên quan	43
4.4. Hợp đồng và thủ tục chiết khấu	44
4.5. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng	45
4.6. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	46
5. Nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng	47
5.1. Khái niệm	47
5.2. Quy định về quản lý ngoại hối trong bảo lãnh	49
5.3. Phạm vi bảo lãnh và điều kiện đối với khách hàng	49
5.4. Các loại bảo lãnh	49
6. Phát hành thẻ tín dụng	51
6.1. Khái niệm	51
6.2. Phát hành thẻ	53
6.3. Sử dụng thẻ	57
6.4. Thanh toán, quyết toán giao dịch thẻ	60
7. Bao thanh toán	63
7.1. Khái niệm và phân loại	63
7.2. Phương thức và yêu cầu	65
7.3. Hợp đồng, lãi và phí	67
7.4. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và nợ quá hạn	69
7.5. Hoạt động bao thanh toán bằng phương tiện điện tử	70
7.6. Quyền và nghĩa vụ	70
8. Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận	71
9. Câu hỏi ôn tập	72
CHƯƠNG 5 - HOẠT ĐỘNG MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN CHO KHÁCH HÀNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	73
1. Khái niệm và các hình thức mở tài khoản thanh toán	73
1.1. Khái niệm	73
1.2. Các hình thức mở tài khoản thanh toán và việc trả lãi đối với số dư trên tài khoản thanh toán	73
2. Quyền và nghĩa vụ của chủ tài khoản thanh toán	74

3.	Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.....	75
4.	Trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán	77
4.1.	Trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán	78
5.	Sử dụng tài khoản thanh toán.....	80
6.	Tạm khoá, phong tỏa, đóng tài khoản thanh toán.....	81
6.1.	Tạm khóa tài khoản thanh toán	81
6.2.	Phong tỏa tài khoản thanh toán	81
6.3.	Đóng tài khoản thanh toán	82
7.	Câu hỏi ôn tập	83
CHƯƠNG 6 - HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG CÁC PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN VÀ CÁC DỊCH VỤ THANH TOÁN SAU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....		84
1.	Thanh toán bằng tiền mặt.....	84
1.1.	Khái niệm, đối tượng áp dụng.....	84
1.2.	Các giao dịch thanh toán bằng tiền mặt	85
2.	Thanh toán không dùng tiền mặt.....	86
2.1.	Khái niệm, đối tượng áp dụng.....	86
2.2.	Chứng từ thanh toán	86
2.3.	Các dịch vụ thanh toán	87
2.4.	Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ	96
2.5.	Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.....	97
3.	Câu hỏi ôn tập	99
CHƯƠNG 7 - CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....		100
1.	Đơn vị báo cáo	100
1.1.	Đơn vị báo cáo	100
1.2.	Đơn vị nhận báo cáo	100
2.	Phương thức báo cáo	100
3.	Định kỳ và thời hạn gửi báo cáo	100
4.	Trách nhiệm báo cáo của các tổ chức tín dụng.....	101
5.	Giới thiệu mẫu, biểu báo cáo có liên quan đến công tác giao dịch viên, nhân viên tín dụng.....	102
5.1.	Danh sách các mẫu biểu báo cáo.....	102

5.2. Danh sách đối tượng phải thực hiện các mẫu biểu báo cáo.....	110
5.3. Các mẫu biểu báo cáo	121
6. Mã số thống kê áp dụng trong công tác thống kê ngân hàng.....	318
6.1. Bảng 1: MÃ NGÀNH KINH TẾ.....	318
6.2. Bảng 2: MÃ LOẠI HÌNH TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN	319
6.3. Bảng 3: MÃ LOẠI HÌNH TỔ CHỨC TÍN DỤNG.....	320
6.4. Bảng 4: MÃ ĐỒNG TIỀN CÁC NƯỚC	320
6.5. Bảng 5: MÃ ĐỒNG TIỀN QUY ĐỔI	321
6.6. Bảng 6: MÃ CÁC LOẠI GIẤY TỜ CÓ GIÁ	321
6.7. Bảng 7: MÃ QUỐC GIA.....	323
6.8. Bảng 8: MÃ TỈNH THÀNH PHỐ VÀ PHÂN VÙNG KINH TẾ	328
6.9. Hướng dẫn phân tổ các ngành kinh tế cấp 1 theo 3 khu vực kinh tế:	329
6.10. Hướng dẫn phân loại hình tổ chức và cá nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa..	331
7. Câu hỏi ôn tập	332

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG

Tên môn học: Nghiệp vụ ngân hàng

Mã môn học: MH26

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

- **Vị trí:** Nghiệp vụ ngân hàng là môn học tự chọn được bố trí học sau khi sinh viên đã được học môn Lý thuyết tài chính, tiền tệ.

- **Tính chất:** Nghiệp vụ ngân hàng là một môn học chuyên môn nghề tự chọn, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ ngân hàng cơ bản giúp hỗ trợ sinh viên đảm nhiệm một số vị trí việc làm trong các tổ chức tín dụng (Quỹ tín dụng, ngân hàng thương mại) như giao dịch viên, nhân viên tín dụng...ngoài ra, hỗ trợ sinh viên nắm bắt được các hình thức thanh toán để áp dụng trong hoạt động của doanh nghiệp.

Mục tiêu môn học

- **Về kiến thức:** Trình bày được các khái niệm, cơ chế nghiệp vụ, nguyên tắc trong nghiệp vụ ngân hàng.

- **Về kỹ năng:** Vận dụng cơ chế nghiệp vụ, nguyên tắc để làm việc tại các tổ chức tín dụng (Quỹ tín dụng, Ngân hàng thương mại)

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Có khả năng tự nghiên cứu, tự học, tham khảo tài liệu liên quan đến môn học để vận dụng vào hoạt động học tập.

+ Vận dụng được các kiến thức tự nghiên cứu, học tập và kiến thức, kỹ năng đã được học để hoàn thiện các kỹ năng liên quan đến môn học một cách khoa học, đúng quy định.

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm kiếm việc làm tại các doanh nghiệp hợp tác xã tín dụng, ngân hàng

Nội dung của môn học:

Các nội dung tổng quan về tổ chức tín dụng; nhận tiền gửi tiết kiệm; Bao thanh toán đang được lấy ý kiến để ban hành quy định mới, sau khi ban hành quy định mới thì phải sửa đổi nội dung có liên quan

CHƯƠNG 1 - TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Mã chương: MH26-1

❖ Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm và phân loại được tổ chức tín dụng
- Trình bày được hoạt động của tổ chức tín dụng
- Tuân thủ các quy định theo pháp luật về tổ chức tín dụng

❖ Nội dung chính:

1. Khái niệm, phân loại

1.1. Khái niệm

Tổ chức tín dụng là doanh nghiệp thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng. Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân

1.2. Phân loại hình thức tổ chức

- Ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng có thể được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này. Theo tính chất và mục tiêu hoạt động, các loại hình ngân hàng bao gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã.

- Ngân hàng thương mại là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận.

- Tổ chức tín dụng phi ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này, trừ các hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân và cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác.

- Công ty cho thuê tài chính là loại hình công ty tài chính có hoạt động chính là cho thuê tài chính theo quy định của Luật này.

- Tổ chức tài chính vi mô là loại hình tổ chức tín dụng chủ yếu thực hiện một số hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ.

- Quỹ tín dụng nhân dân là tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này và Luật hợp tác xã nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống.

- Ngân hàng hợp tác xã là ngân hàng của tất cả các quỹ tín dụng nhân dân do

các quỹ tín dụng nhân dân và một số pháp nhân góp vốn thành lập theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu chủ yếu là liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn trong hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân.

- Tổ chức tín dụng nước ngoài là tổ chức tín dụng được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.

- Tổ chức tín dụng nước ngoài được hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới hình thức văn phòng đại diện, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.

- Ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là loại hình ngân hàng thương mại; công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài là loại hình công ty tài chính; công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài là loại hình công ty cho thuê tài chính theo quy định của Luật này.

- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, không có tư cách pháp nhân, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam.

1.2.1. Hình thức tổ chức của tổ chức tín dụng

- Ngân hàng thương mại trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, trừ trường hợp Ngân hàng thương mại nhà nước

- Ngân hàng thương mại nhà nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

- Tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được thành lập, tổ chức dưới hình thức hợp tác xã.

- Tổ chức tài chính vi mô được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.

1.2.2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng

- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng được quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng và phải là một trong những người sau đây:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng;

- + Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.
- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

1.3. Một số khái niệm khác

- Vốn tự có gồm giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước).
- Giấy phép bao gồm Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước cấp. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.
- Hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây:
 - + Nhận tiền gửi;
 - + Cấp tín dụng;
 - + Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
- Nhận tiền gửi là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận.
- Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.
- Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản là việc cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng và các dịch vụ thanh toán khác cho khách hàng thông qua tài khoản của khách hàng.
- Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.
- Bao thanh toán là hình thức cấp tín dụng cho bên bán hàng hoặc bên mua hàng thông qua việc mua lại có bảo lưu quyền truy đòi các khoản phải thu hoặc

các khoản phải trả phát sinh từ việc mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ theo hợp đồng mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ.

- Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc tổ chức tín dụng sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho tổ chức tín dụng theo thỏa thuận.

- Chiết khấu là việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán.

- Tái chiết khấu là việc chiết khấu các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác đã được chiết khấu trước khi đến hạn thanh toán.

- Môi giới tiền tệ là việc làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác giữa các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác.

- Tài khoản thanh toán là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng mở tại ngân hàng để sử dụng các dịch vụ thanh toán do ngân hàng cung ứng.

- Sản phẩm phái sinh là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc như tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ hoặc tài sản tài chính khác.

- Góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng là việc tổ chức tín dụng góp vốn cấu thành vốn điều lệ, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả việc cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; góp vốn vào quỹ đầu tư và ủy thác vốn cho các tổ chức khác góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu trên.

- Khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp bao gồm khoản đầu tư chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của một doanh nghiệp hoặc khoản đầu tư khác đủ để chi phối quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên.

- Cổ đông lớn của tổ chức tín dụng cổ phần là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng cổ phần đó.

- Sở hữu gián tiếp là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của tổ chức tín dụng thông qua người có liên quan hoặc thông qua ủy thác đầu tư.

- Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + (a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty

con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

- + (b) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

- + (c) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

- + (d) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;

- + (đ) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

- + (e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và đ trên với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.

- Công ty liên kết của tổ chức tín dụng là công ty trong đó tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng và người có liên quan của tổ chức tín dụng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của tổ chức tín dụng đó.

- Công ty con của tổ chức tín dụng là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng và người có liên quan của tổ chức tín dụng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;

- + Tổ chức tín dụng có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con;

- + Tổ chức tín dụng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;

- + Tổ chức tín dụng và người có liên quan của tổ chức tín dụng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.

- Người quản lý tổ chức tín dụng bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.

- Người điều hành tổ chức tín dụng bao gồm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.

2. Quyền và trách nhiệm của tổ chức tín dụng

2.1. Quyền của tổ chức tín dụng

2.1.1. Quyền tự chủ hoạt động

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Không tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền từ chối yêu cầu cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ khác nếu thấy không đủ điều kiện, không có hiệu quả, không phù hợp với quy định của pháp luật.

2.1.2. Quyền hoạt động ngân hàng

- Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thì được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

- Nghiêm cấm cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động ngân hàng, trừ giao dịch ký quỹ, giao dịch mua, bán lại chứng khoán của công ty chứng khoán.

2.1.3. Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

- Nghiêm cấm hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc hành vi cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ gây tổn hại hoặc gây tổn hại đến việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Chính phủ quy định cụ thể các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng và hình thức xử lý các hành vi này.

2.2. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

2.2.1. Bảo vệ quyền lợi của khách hàng

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm sau đây:

- Tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật và công bố công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở chính và chi nhánh;

- Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn gốc và lãi của các khoản tiền gửi;
- Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;
- Thông báo công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng;
- Công bố thời gian giao dịch chính thức và không được tự ý ngừng giao dịch vào thời gian đã công bố. Trường hợp ngừng giao dịch trong thời gian giao dịch chính thức, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải niêm yết tại nơi giao dịch chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép ngừng giao dịch quá 01 ngày làm việc, trừ trường hợp quy định khác của pháp luật.

2.2.2. Trách nhiệm phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm sau đây:

- Không được che giấu, thực hiện hoạt động kinh doanh liên quan đến khoản tiền đã có bằng chứng về nguồn gốc bất hợp pháp;
- Xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;
- Thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;
- Hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố.

2.2.3. Cung cấp thông tin

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được trao đổi thông tin với nhau về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2.2.4. Bảo mật thông tin

- Nhân viên, người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được tiết lộ bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

2.2.5. Cơ sở dữ liệu dự phòng

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.

- Việc xây dựng cơ sở dữ liệu dự phòng của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và các tổ chức tín dụng không nhận tiền gửi thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Hoạt động của tổ chức tín dụng

3.1. Phạm vi hoạt động được phép của tổ chức tín dụng

- Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể phạm vi, loại hình, nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng trong Giấy phép cấp cho từng tổ chức tín dụng.

- Tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng.

- Các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng quy định tại Luật này thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

3.2. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng

- Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

- Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

- Trong trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, để bảo đảm an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có quyền quy định cơ chế xác định phí, lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

3.3. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu của tổ chức tín dụng

- Tổ chức tín dụng được phát hành chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu, kỳ phiếu để